

## ĐÔI ĐỜI

Và, đây là cuộc “đôi đời” vào ngày 30.4.1975 của một kẻ ở lại, một luật sư tại Sài-Gòn:

Cuối tháng 3.1975, dân Sài-Gòn đã rục rịch lo chạy. Vậy mà khi ấy tôi chẳng nghĩ đến đi đâu. Không phải tôi thích cộng sản hay không sợ cộng sản. Nhưng tôi có vài lý do để quyết định “ở lại”. Một là tôi tin tưởng Quân đội VNCH không thể tan hàng một cách dễ dàng và mau chóng sau hai mươi năm chiến đấu vẫn giữ vẹn toàn lãnh thổ miền Nam, nhất là qua hai trận Tết Mậu Thân 1968 và “Mùa hè đỏ lửa” 1972, “thiên tài quân sự” Võ Nguyên Giáp của “Quân đội Nhân dân” CSBV đã lợi dụng yếu tố bất ngờ đánh úp, tung toàn lực tổng tấn công định “dứt điểm” miền Nam Việt Nam, nhưng cuối cùng đã đại bại. Lý do thứ hai là nhiều người thân của tôi, trong đó có em ruột và em rể tôi, còn đang ở ngoài mặt trận, họ đang đổ máu vì mình, họ nghĩ gì nếu biết mình đang tìm đường bỏ chạy ra ngoài quốc?

Sự tin tưởng của tôi đã trở thành mù quáng khi vẫn bình tâm ở Sài-Gòn trong lúc vợ và đứa con trai nhỏ của tôi còn ở Đà-Lạt. Trước khi trở thành một luật sư, tôi làm công chức và sống với vợ con ở Đà-Lạt. Khi đổi nghề, tôi về Sài-Gòn một mình trước vì vợ dạy tại Trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân, chưa xin chuyển được, định hai tháng nữa, mãn niên học, tôi sẽ lên Đà-Lạt đón vợ con về Sài-Gòn luôn.

Một hôm, Đại tá Đỗ Tùng, nguyên Đồng lý Bộ Quốc Phòng, gặp tôi ở Văn phòng luật sư, hỏi thăm vợ con tôi. Khi biết họ còn ở Đà-Lạt, ông đã trợn tròn đôi mắt, nói lớn như ra lệnh: “Anh phải bay ngay lên Đà-Lạt đưa chị và cháu về đây!”

Tôi gọi điện thoại ngay cho người quen làm trong Air Việt Nam nhờ mua vé lên Đà-Lạt ngày hôm sau và trở về Sài-Gòn sớm nhất cho cả gia đình.

Thành phố Đà-Lạt an bình suốt những năm tháng trong cuộc chiến dài, đang rúng động, xao xác, sau khi Ban-Mê-Thuật thất thủ. Nhiều người đã bỏ đi, cửa đóng then cài. Gặp Luật sư Hoàng Huân Long (Hoàng Cơ Long), “Tư lệnh Sư đoàn Nhân dân bảo vệ TP Đà-Lạt” (do tỉnh trưởng mới thành lập), trước Chợ Hòa Bình, tôi hỏi tình hình ra sao. Ông cười gượng gạo: “Hôm nay còn bình an!”

Ngày hôm sau, chúng tôi đóng cửa nhà, với đồ đạc y nguyên bên trong, xách mấy va-li quần áo lên máy bay về Sài-Gòn. Mấy ngày sau, Đà-Lạt rút quân, di tản, bỏ ngõ thành phố.

Không bao lâu sau, Sài-Gòn bắt đầu lên cơn sốt với dân tị nạn từ miền Trung tiếp tục đổ vào và tiền quân CSBV đã áp gần thủ đô, trên Xa-lô Biên Hòa đã thấy xuất hiện nhiều nút chặn chống xe-tăng với sinh viên các quân trường cũng được đưa ra ứng chiến, sẵn sàng cho trận đánh đầu tiên và cuối cùng. Mọi người quay cuồng tìm đường ra đi, và nhiều người đã ra đi. Tại Tòa án Sài-Gòn đã vắng mặt một số thẩm phán, luật sư, biện lý...

Văn phòng Pháp Lý do Ls Nguyễn Phương Yêm làm chủ cũng đã ra đi một nửa, trong đó có Ls Phạm Kim Vinh và Thẩm phán Nguyễn Hữu Dương. Một hôm ông Yêm hỏi tôi: “Mét” (Maitre, theo tập quán xưng hô với đồng nghiệp của giới luật gia thời Pháp) có định đi không?” Tôi đáp: “Không.”

Ông cầm tay tôi, nhìn tôi với đôi mắt mỏi mệt, cố giữ cho giọng nói đừng run: “Mét’ ở lại chắc là không sao. Tôi thì khác. Chúng nó mà vào đây thì chúng ‘bụp’ tôi ngay. Tôi phải cố tìm đường đem vợ con đi. Mẹ tôi không chịu đi. Nhờ ‘mét’ giúp tôi lo cho cụ. Nếu còn làm ăn được, xin ‘mét’ mỗi tháng cho cụ ít tiền đủ sống tạm trong lúc loạn lạc. Nếu chúng nó cướp được miền Nam này thì nhờ ‘mét’ đưa mẹ tôi vào Chùa Tam Tông Miếu. Tôi đã nói chuyện với Chùa để cụ có chỗ nương thân.”

Đó là lần cuối cùng tôi gặp ông Yêm. Sau đó, tình hình biến chuyển nhanh đến chóng mặt. Tôi nằm nhà suốt mấy ngày, ôm chiếc ti-vi theo dõi thời cuộc, không dám bước ra đường. Ngày 2 tháng 5, tôi lái chiếc xe Volkswagen con cóc cẩn thận rời nhà ở Cư xá Thanh Đa, sang Khu Nguyễn Tri Phương vẫn an mẹ tôi.

Đường xá, phố phường này tôi đã thân quen trong mấy mươi năm sao lúc ấy thấy như đang lạc vào một nơi chốn xa lạ. Những lá cờ đỏ máu này, những con người cổ quái này như xuất hiện trong một cơn ác mộng. Một cảm giác sợ hãi làm tôi ớn lạnh.

Sau khi thăm mẹ tôi và biết mọi người bình an, kể cả hai người em đã về nhà sau khi tan hàng, tôi xuống đường Lê Lai thăm bà mẹ Ls Nguyễn Phương Yêm. Tôi hỏi: “Anh Yêm đưa gia đình đi thoát rồi, phải không, thưa bà?” Bà cụ gạt đầu rồi chấp hai tay, ngửa mặt khẩn nguyện: “Cầu trời khẩn Phật cho cha con nó đi bình an. Thời buổi chi mà khốn khổ như ri? Suốt mấy đời chạy giặc!” Rồi bà cúi xuống, thấy tờ “Sài-Gòn Giải Phóng” số đầu tiên với ảnh Hồ Chí Minh chiếm gần một phần tư trang nhất để bên cạnh, bà cụ giật tờ báo, đặt xuống đất, ngồi lên mặt HCM, nghiến răng: “Cũng vì thằng già ni!”

Bà cụ cùng quê với HCM, và là nạn nhân của chiến dịch “cải cách ruộng đất” đầu tiên ở Nghệ An, đã may mắn cùng các con trốn qua Lào và thoát được vào Nam trước Hiệp định Genève. Tôi không biết lý do thực sự khiến bà quyết định ở lại Việt Nam, dù con cháu đều ra đi. Ông Nguyễn Phương Thiệp, anh Ls Nguyễn Phương Yêm, khi đó làm Đại sứ VNCH tại Tây Đức, có xin cho mẹ một chỗ trên chuyến bay rời khỏi Sài-Gòn, nhưng bà đã từ chối cái chỗ mà bao nhiêu người đang mơ ước. Bà có người con trai, Nguyễn Phương Nhu, em ông Yêm, làm phi công cho Air Việt Nam bị chết trong một tai nạn máy bay ở Quảng Tín năm 1974 và được an táng trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Không biết có phải đó là lý do khiến bà ở lại. Trái tim của một bà mẹ Việt Nam có lý lẽ riêng, không ai hiểu được. Vài ngày sau, tôi thu xếp đưa bà cụ vào Chùa Tam Tông Miếu trên Đường Cao Thắng.

Cũng trong mấy ngày tới lui lo cho bà cụ, tôi được biết ông Trần Chánh Thành đã tự sát, do người nhà tới báo tin và cho biết ông có cơ hội để ra đi nhưng đã từ chối. Câu nói cuối cùng của ông: “Đi đâu bây giờ? Mỹ à? Họ đã bỏ rơi cả dân tộc này cho cộng sản, mặt mũi nào mà tôi bỏ chạy theo họ?”

Nhật báo Tiền Tuyến có một Văn phòng trên đường Lê Lai, ngay bên cạnh VP Ls Nguyễn Phương Yêm, để tiếp xúc với độc giả và thân chủ quảng cáo. Có một cô thư ký, con một Thượng sĩ, làm việc tại đây. Tôi được tin hai cha con đã tự sát vào ngày 30.4.1975 sau khi TT Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Nghe tin này, lòng tôi se lại, mắt cay cay.

Một hôm tôi nhận được lệnh tới trình diện “Tổ Luật” tại “Hội Trí Thức Yêu Nước” ở Đường Duy Tân. Tới nơi mới biết Tổ trưởng Tổ Luật của “Hội Trí Thức Yêu Nước” là Thẩm Phán Trần Thúc Linh. Nhớ lại trước đó mấy tuần, một hôm tất cả luật sư và thẩm phán tại Tòa Án Sài-Gòn đã ngưng công việc trong một giờ để bước ra thêm trước Tòa, phản đối Tổng Nha Cảnh Sát bắt giam ông Trần Thúc Linh, và yêu cầu chánh quyền trả tự do cho ông. Bây giờ Thẩm Phán Trần Thúc Linh ngồi trước mặt tôi, nhân danh “cách mạng”, phán: “Luật ở đâu, thời nào thì cũng phục vụ giai cấp thống trị. Làm chủ đất nước bây giờ là giai cấp công nhân lao động. Các anh cần biết như vậy để chấp hành pháp lệnh của cách mạng.” Không có trường luật nào dạy sinh viên như vậy. Tôi nghe mà chẳng hiểu gì cả, và sau mười ngày học tập chính trị, ngồi nghe vài viên chức trong ngành tư pháp từng sống bằng tiền lương của chế độ cũ nay thay phiên lên kẻ tội chế độ ấy và nói toàn giọng “cách mạng 30”, tôi không bao gờ lại Hội Trí Thức Yêu Nước nữa. Nghe nói về sau ông Trần Thúc Linh đã được “cách mạng” cho đi Pháp, sau khi đóng trọn vai trò “tên gốc hữu dụng”.

Trước cuộc “đổi đời” khổng lồ đang diễn ra trong xã hội miền Nam VN lúc ấy, tôi không tìm được lối đi thì một hôm, một người bạn cũ đã hiện ra trước mắt tôi như một con ma đội mồ sống dậy sau 20 năm biến khỏi trần gian. Nguyễn Hữu Lộc. Người bạn học cũ của tôi ở Sài-Gòn. Rất thân với nhau. Lộc là con của chủ tiệm vàng Tân Việt trong Chợ Lớn, bánh bao ngon lành như “dân cậu” con nhà khá giả của đất Sài Thành thuở ấy. Bỗng một hôm vào năm 1955, Lộc hẹn gặp tôi tại cái công viên nhỏ trước Sân Cộng Hòa. Sau khi liếc quanh không thấy ai khác, anh ta nghiêm giọng nói: “Ngày mai tôi sẽ đi tập kết ra ngoài Bắc.” Tôi liếc nhìn mặt Lộc xem có phải nó nói đùa không. Nó biết tôi đang như trời trồng nên giải thích: “Chị tôi ra ngoài đó nên tôi phải đi theo. Hẹn bạn sau hai năm anh em sẽ gặp lại nhau.”



Tờ mờ sáng hôm sau, tôi ra Kho 6 bến tàu Sài-Gòn tiễn Lộc lên đường. Sau đó, tôi được biết Lộc có người chị, Nguyễn Thị Ngọc Dung, là một người trong mấy nữ sinh Marie Curie đã ném lựu đạn trong Rạp Majestic năm 1951, giết chết viên Trung úy Pháp, trưởng “bót” Catinat. Cả đám đã chạy thoát nhưng về sau đều bị bắt, bị đưa ra tòa lãnh án tử hình. Sau được “tòa mũ đỏ” (Tòa Thượng thẩm) ở Paris, giảm án còn khổ sai đày ra Côn đảo. Năm 1955, thi hành Hiệp Định Genève về trao đổi tù binh, Ngọc Dung được đưa ra miền Bắc.

Sau 20 năm, thay vì 2 năm, chúng tôi đã gặp lại nhau. Hôm ấy, tôi đang đứng trên bao lon căn nhà trên lầu 4 Cư xá Thanh Đa hóng gió từ dưới sông đưa lên, chợt trông thấy một người đàn ông cưỡi chiếc xe Honda, dừng lại bên dưới. Y mặc một chiếc áo Montagu màu đỏ, có một khẩu Colt 45 đeo lưng lẳng bên hông. Y ngược mặt nhìn lên và nhả răng cười. Tôi quay vào gọi vợ tôi: “Loan ơi, thằng Lộc nè!”

“Thằng Lộc đâu đây?” Vợ tôi trả lời, không tin, nhưng cũng chạy ra nhìn. Người đàn ông loay hoay khóa xe xong, lại ngược mặt lên cười lần nữa, trước khi đi vào cầu thang. Vợ tôi cũng đã nhận ra Lộc vì cùng là bạn học, đưa một bàn tay bịt ngang miệng, không thốt nên lời. Chúng tôi đều nhận ra cái răng khênh khi cười của Lộc, vì từ 20 năm nay, hình ảnh Lộc cùng những kỷ niệm với nhau trong mấy năm ngồi chung lớp tại một trường tư ở Sài-Gòn không bao giờ phai mờ trong đầu chúng tôi.

Chúng tôi cùng quay vào trong nhà, mở cửa đứng chờ. Khi thằng Việt Cộng xuất hiện, chúng tôi ôm lấy nhau, cùng ứa nước mắt. Sau 20 năm chinh chiến không ngừng, hàng triệu sinh linh đã bị tàn sát, bao nhiêu vật đổi sao dời, tôi đã di chuyển mấy lần, căn chung cư này cũng là nơi ở tạm, vậy mà Lộc cũng tìm ra. Hấn nhìn tôi với đôi mắt ngấn lệ cảm thương, nói:

– Chúng tôi đại khờ nên bị sập bẫy. Còn ông, ông nghĩ sao mà còn ở lại đây?

(S.T.)

Còn biết nói sao, khi cả một dân tộc đã bị lừa trong suốt mấy thế hệ.

Mà hình như không có mấy người đã mở mắt.

Ký Thiệt